

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
4. Tình hình tài chính.....	24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	255
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	255
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	255
2. Tình hình tài chính.....	277
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	299
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	30
5. Báo cáo phát triển bền vững.....	30
6. Báo cáo quản trị rủi ro.....	33
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	344
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	344
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty.....	355
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	366
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	377

1. Hội đồng quản trị	377
2. Ban kiểm soát.....	388
3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS.....	40
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	411
1. Ý kiến kiểm toán.....	411
2. Nội dung đầy đủ báo cáo tài chính được kiểm toán	42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100259564

- Vốn điều lệ: 419.182.792.000 đồng

- Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học – phường Quang Trung - thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định

- Số điện thoại: 056.3846500

- Số fax: 056.3846846

- Website: <http://www.bidiphar.com>

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Các tổ chức tiền thân Bidiphar

Năm 1976 – Từ nền tảng Xưởng Dược thuộc Ban quân dân y khu 5, hình thành các đơn vị của tinh hoạt động trong ngành dược và trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình, bao gồm: Công ty Dược phẩm Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên về phân phối, trụ sở tại thị xã Quy Nhơn), Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình (chuyên về sản xuất, trụ sở tại thị xã Quảng Ngãi), Công ty vật tư Y tế Nghĩa Bình (chuyên kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, trụ sở tại 34 Ngô Mây Quy Nhơn), Trạm nghiên cứu Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên phát triển nuôi trồng và nghiên cứu dược liệu, có trụ sở tại thị xã Quy Nhơn).

Năm 1979 – Thành lập Phân xưởng phủ tạng, tại địa chỉ 363-371 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn trực thuộc Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình.

Năm 1980 - Trên cơ sở Phân xưởng phủ tạng thành lập Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình.

Xí nghiệp bao gồm các phân xưởng sản xuất cơ bản sau: phân xưởng thuốc Nước, phân xưởng phi-tin sản xuất thuốc viên từ cám gạo, phân xưởng Berberin, phân xưởng thuốc viên, phân xưởng sản xuất cao xoa các loại, phân xưởng dầu cá,....

Năm 1983 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1986 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển Nhà máy sản xuất về tại 498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn hoạt động sản xuất cho đến nay. Trong giai đoạn này Xí nghiệp chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng của Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1988 – Chuyển Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình sang mô hình hoạt động hạch toán kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào việc đặt hàng theo kế hoạch từ Công ty Dược phẩm dược liệu Nghĩa Bình.

b) Thành lập thương hiệu Bidiphar và các giai đoạn phát triển

Năm 1989 – Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar).

Năm 1994 – Bidiphar liên doanh với Xí nghiệp Dược phẩm Chăm pa sắc-Lào thành lập Công ty liên doanh dược phẩm hữu nghị Champasack-Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Champasack Lào, gọi tắt là Công ty CBF Pharma Co.,Ltd. Trong đó Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định chiếm 80% vốn điều lệ.

Năm 1995 - Ngày 05/05/1995 – theo Quyết định số 922/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc hợp nhất 02 đơn vị là Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Định và Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định thành lập Công ty Dược-Trang thiết bị Y tế Bình Định, trong đó nòng cốt là Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định.

Năm 1999 – Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, tách Phân xưởng In và Bao bì, một đơn vị trực thuộc của Bidiphar thành lập Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định. Bidiphar đầu tư xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - ASEAN đầu tiên.

Năm 2005 – Thành lập mới 02 đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV do Bidiphar làm chủ sở hữu 100% vốn :

- Tách Xí nghiệp Nước khoáng Chánh Thắng (đơn vị hạch toán trực thuộc Bidiphar) thành lập Công ty TNHH MTV Nước Khoáng Quy Nhơn theo Quyết định

1275/QĐ-CTD ngày 28/12/2005 của Giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

- Thành lập mới Công ty TNHH MTV Muối Bình Định từ Xí nghiệp Muối I ột trực thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh muối iốt và thực phẩm khác, theo Quyết định số 1166/QĐ-CTD ngày 25/11/2005 của Giám đốc Công ty Dược-TTBYT Bình Định.

Năm 2006 – Bidiphar chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, theo Quyết định thành lập số 102/2006/QĐ-UBND ngày 27/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần khoáng sản Biotan, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bidiphar chiếm 10% vốn điều lệ.

Đầu tư nâng cấp Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Năm 2007 : Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar, quản lý vốn đầu tư sang Lào: trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Sê Kông, CHDCND Lào. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ .

Năm 2008 – Tách bộ phận sản xuất dược phẩm thuộc Bidiphar thực hiện cổ phần hóa thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1.

Năm 2009 : Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CBF Pharma, Bidiphar thực hiện chủ trương của tỉnh bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty CBF Pharma và hoàn tất việc thu hồi vốn vào tháng 12/2011, để chuyển sang các dự án đầu tư khác .

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước khoáng Chánh thắng thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

Năm 2010 – chuyển công ty mẹ từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức Công ty TNHH 01 TV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, Bidiphar bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp cho đến nay.

Năm 2012 : Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Bình Định, thành lập Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định, hoạt động từ ngày 01/01/2013. Bidiphar chiếm 42,28% vốn điều lệ.

Năm 2013: tiến hành thực hiện cổ phần hóa Bidiphar theo Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc

phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định thành công ty cổ phần.

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn.

Năm 2014: Hoàn tất cổ phần hóa Bidiphar, công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/03/2014, tên gọi Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar).

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư của Bidiphar tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định.

Năm 2015 : Hoàn tất sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar và chính thức hoạt động vào 01/01/2015. Vốn điều lệ 419,182 tỷ đồng, trong đó nhà nước chiếm giữ 41,65% vốn điều lệ.

Hoàn tất thoái 100% vốn Bidiphar đầu tư tại Công ty cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định.

c) Những dấu mốc quan trọng ứng dụng KHCN vào sản xuất dược phẩm

Năm 1992 : Nghiên cứu và sản xuất thành công thuốc Tiêm kháng sinh Gentamicin.

Năm 1997 : Nghiên cứu và sản xuất thành công thuốc Dung dịch Tiêm truyền kháng sinh và Axit amin. Đổi mới trong quản lý chất lượng sản phẩm kết hợp một cách có hiệu quả ISO 9001 và GPs.

Năm 2003 : Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm đông khô vào sản xuất.

Năm 2010 : Nghiên cứu thành công và sản xuất thuốc điều trị ung thư.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm

- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản

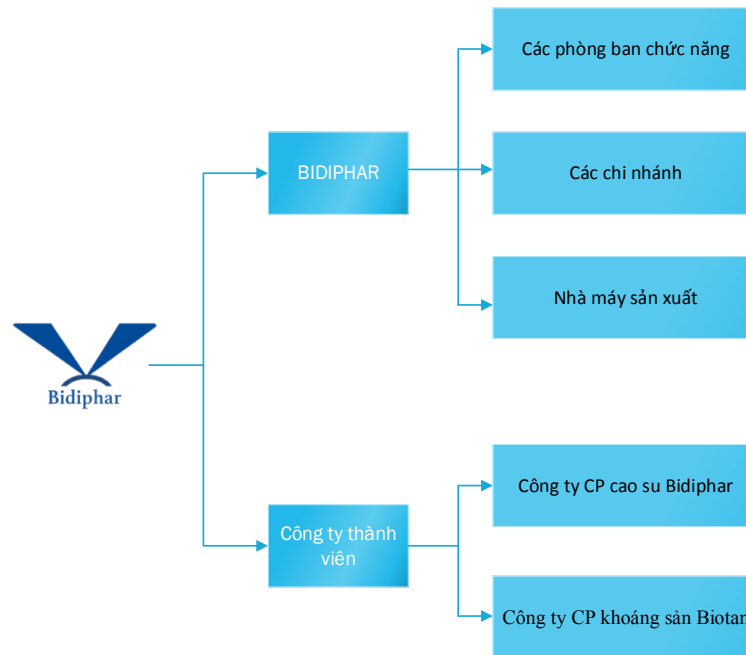
Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

b) Địa bàn kinh doanh:

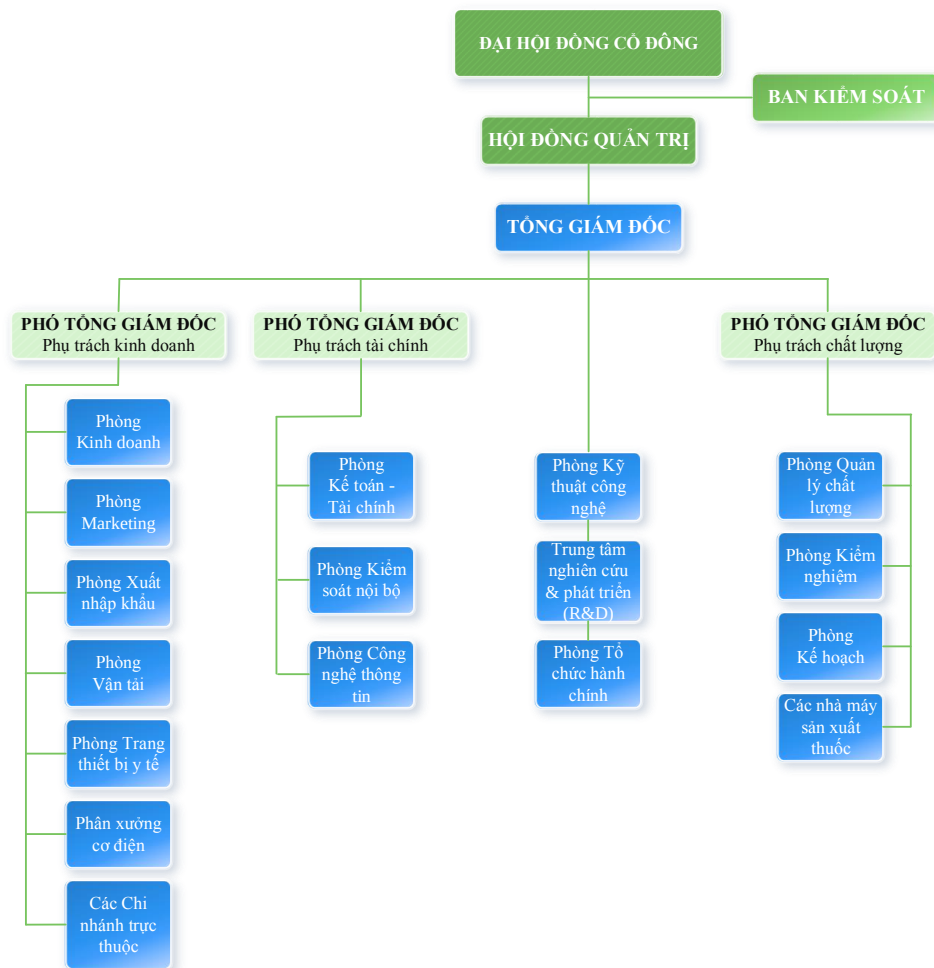
Trong nước và xuất khẩu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị



b) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý



c) Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Vốn Bidiphar đóng góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%) của Bidiphar	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
Công ty CP Khoáng sản Biotan	Bình Định	Khai thác và chế biến khoáng sản	4.050.000.000	13,5%	13,5%
Công ty CP Cao su Bidiphar	Bình Định	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến và kinh doanh mủ cao su.	71.453.890.000	33,58%	33,58%

5. Định hướng phát triển

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

Phát triển thành một thương hiệu mạnh bền vững, có tiềm lực về tài chính, phương pháp quản trị, điều hành hiện đại;

Tạo việc làm, ổn định đời sống và tăng thu nhập cho người lao động;

Gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư;

Đóng góp nguồn thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế xã hội, phát triển cộng đồng.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Lấy khoa học công nghệ làm nền tảng cho việc phát triển Công ty;

Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối mạnh và bền vững, chiếm lĩnh thị phần nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh chuẩn bị cho việc hội nhập TPP, Asean ;

Hoàn thành các thủ tục pháp lý để đầu tư thành lập Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ chuyên sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao (thuốc điều trị ung thư, thuốc đông khô) theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S;

Đầu tư chuyên sâu trồng và sản xuất thuốc từ dược liệu sạch theo tiêu chuẩn GACP.

Xây dựng hệ thống đánh giá và trả lương thích hợp cho người lao động nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Trong đó chú trọng xây dựng các chính sách đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao;

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm huy động nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư mới;

Tiếp tục hoàn thiện công tác Quản trị doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Phát triển bền vững

Gắn với mục tiêu đã đặt ra, Công ty sẽ phát triển một Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích. Việc đáp ứng lợi ích của cổ đông thông qua thực thi chính sách đảm bảo chất lượng của sản phẩm sẽ đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn cao.

Công ty cam kết và đảm bảo các khoản đóng góp đối với Nhà nước và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường và sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý.

d) Định hướng quản trị rủi ro

Công ty chú trọng quản trị rủi ro có thể xảy ra trong các lĩnh vực:

- Rủi ro từ hoạt động kinh doanh
- Rủi ro tài chính
- Rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư
- Rủi ro về chính sách vĩ mô

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trong tình hình nền kinh tế trong nước và thế giới với khá nhiều khó khăn trong năm qua, song song với sự quan tâm giúp đỡ từ các cơ quan chức năng trong tỉnh, sự tin tưởng và đồng hành của khách hàng, cổ đông, Ban lãnh đạo công ty và toàn thể CBCNV đã nỗ lực tập trung đề ra nhiều giải pháp, khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi triển khai thực hiện thành công nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, kết quả đạt được khả quan với các chỉ tiêu chính sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so với TH 2014	Tỷ lệ % so với KH 2015
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	309,48	460,0	554,14	179%	120%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	268,62	419,18	419,18	156%	100%
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.287 ⁽¹⁾	1.250 ⁽²⁾	1.266	98%	101%
4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	1.207,5	1.130	992	82%	88%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	79,5	120	274		228%
	Trong đó:						
	- SXKD chính	Tỷ đồng	46	120	130		108,3%
	- Khác	Tỷ đồng	34		144		
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63,5	93,6	214,7		229%
7	Thuế thu nhập DN	Tỷ đồng	15,9	26,4	59,0		224%
8	Tỷ lệ cổ tức (%/VĐL)	%	10	15	15	150%	100%
9	EPS (Thu nhập trên mỗi cổ phiếu)	đ/cp	2.367	2.233	4.500	190%	202%
10	ROS	%	4%	7%	17%	385%	227%
11	ROE	%	22%	21%	50%	226%	234%
12	ROA	%	8%	12%	23%	289%	196%
13	Tổng số lao động	Người	749	1.140	1.141	152%	100%
14	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/tháng	7,5	7,5	7,5	100%	100%

⁽¹⁾ Doanh thu thực hiện năm 2014 loại trừ phần Doanh thu cung ứng nguyên vật liệu và dịch vụ giữa Bidiphar 1 và Bidiphar để cùng gốc so sánh tỷ lệ thực hiện.

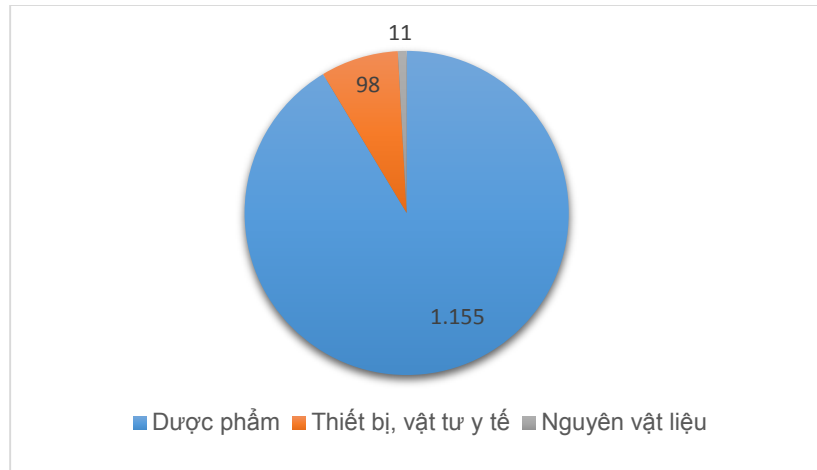
⁽²⁾ Điều chỉnh Doanh thu kế hoạch năm 2015: từ 1.500 tỷ xuống còn 1.250 tỷ, do loại trừ phần Doanh thu cung ứng nguyên vật liệu và dịch vụ giữa Bidiphar 1 & Bidiphar. Sau sáp nhập hai đơn vị vào ngày 1/1/2015 các nghiệp vụ này không còn phát sinh.

b) Một số nét nổi bật trong hoạt động năm 2015

i. Về công tác thị trường

Doanh thu toàn Công ty trong năm 2015 đạt **1.266** tỷ đồng, trong đó doanh thu chi tiết từng nhóm hàng như sau:

- Lĩnh vực dược phẩm: **1.155 tỷ**
- Lĩnh vực thiết bị, vật tư y tế **98 tỷ**
- Cung ứng nguyên vật liệu, bao bì: **13 tỷ**



Hệ thống phân phối hiện nay có 18 Chi nhánh, 51 quầy thuốc, nhà thuốc, đảm bảo có đại diện bán hàng ở khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Các Chi nhánh và thị trường tăng cường xúc tiến bán hàng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, làm cho các sản phẩm của Bidiphar có chỗ đứng ngày càng vững chắc trên thị trường cả ở khối điều trị cũng như thị trường tự do, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát hỗ trợ thị trường, nhờ vậy các chi nhánh từng bước kiện toàn công tác tổ chức, chuẩn hóa và nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn.

Hoạt động kinh doanh Trang thiết bị tiếp tục được quan tâm: Giữ vững được thị phần tại các thị trường hiện có, mở rộng thị trường hoạt động ra nhiều các tỉnh thành: Nghệ An, Quảng Trị, Bình Dương ... Làm nhà phân phối độc quyền một số thiết bị, vật tư y tế đặc biệt là mặt hàng Găng tay (Bidiphar Top Glove).

ii. Về hoạt động marketing

Hoạt động xúc tiến thương mại

Thực hiện hoạt động quảng bá nhãn hàng Calonate, Bonevit, Nyxter Pro, Latoxol thông qua các hoạt động như: tổ chức sự kiện, quảng bá trên truyền hình – tạp chí, poster, pa nô, hội nghị, hội thảo...

Chỉnh sửa, cải tiến mẫu mã cho hơn 200 sản phẩm phù hợp với quy định hiện hành của Cục Quản lý Dược, thực hiện 23 mẫu thiết kế đăng ký sản phẩm mới.

Đặc biệt trong năm đã đổi mới toàn diện chính sách bán hàng cho thị trường OTC, trong đó đã thay đổi và bổ sung về danh hiệu khách hàng, tạo điều kiện tăng

trưởng chất lượng khách hàng tham gia chương trình Câu lạc bộ Khách hàng Bidiphar (Doanh số CLB KH năm 2015 đạt 140 tỷ tăng trưởng 15% so với năm 2014); Các Chương trình bán hàng được khai thác triệt để, các chính sách kích cầu phù hợp được thực hiện đúng thời điểm, đã tạo điều kiện đẩy mạnh tăng trưởng doanh số OTC 2015 (Doanh số OTC năm 2015 đạt trên 275 tỷ đồng; tăng trưởng 44% so với 2014).

Hoạt động chăm sóc khách hàng

Tổ chức hoạt động Tri ân khách hàng khối OTC trên toàn quốc thông qua chương trình “Lộc Đến Mọi Nhà” đã thu hút hơn 3.000 khách hàng tham gia, tổ chức cho hơn 500 lượt khách hàng đi tham quan du lịch với nhiều hoạt động vui nhộn, thú vị cho tất cả các thành viên tham gia.

Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng năm 2015 trong không khí vui tươi đón chào xuân mới với gần 2.000 khách hàng và đối tác tham dự.

Tiếp đón hơn 100 bác sĩ chuyên khoa trên toàn quốc về tham dự Hội nghị Ung bướu được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn.

Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng theo chính sách bán hàng như tặng quà và các vật dụng phục vụ cho công tác bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân cho hàng ngàn khách hàng nhân các dịp lễ, tết...; thực hiện nhiều hoạt động tài trợ quảng cáo cho khách hàng.

Hoạt động phát triển thương hiệu

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư thông qua các hoạt động tài trợ và giới thiệu các sản phẩm thuốc điều trị ung thư gắn với hình ảnh Công ty, dây chuyền sản xuất trong Hội nghị Ung bướu tại Bình Định, Cần Thơ, HCM; tài trợ và tiếp đón hơn 100 bác sĩ chuyên khoa trên toàn quốc về tham dự Hội nghị Ung bướu được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn trong tháng 6/2015.

Tham gia và đạt các giải thưởng uy tín như “Giải Vàng Chất Lượng Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ trao tặng, giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” do Trung ương Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng, giải thưởng Thương hiệu Việt 2015 do Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam trao tặng...

iii. Về công tác sản xuất và đảm bảo chất lượng

Trong năm 2015 tổ chức điều phối sản xuất theo hướng bám sát diễn biến thực tế của thị trường; vì vậy đã nâng cao được khả năng đáp ứng hàng hóa cho thị trường, sản lượng sản xuất bình quân tăng 30% so với năm 2014.

Hệ thống đảm bảo chất lượng: 100% nguyên liệu chính đầu vào và thành phẩm đảm bảo chất lượng theo đúng quy định. Triển khai theo dõi chặt chẽ việc thực hiện mục tiêu chất lượng của các bộ phận gắn liền với mục tiêu chung của Công ty.

iv. Về công tác đầu tư

Dự án được liệu: Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án trồng 300 ha được liệu tại xã An Toàn, An Lão theo tiêu chuẩn GACP. Năm 2015 đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm cây mô có diện tích 300 m² tại Quy Nhơn. Xây dựng khu nghiên cứu trồng được liệu tại An Toàn-An Lão, bao gồm các hạng mục: diện tích nhà kính 1.000m² và nhà điều hành 200 m²

Đầu tư tăng năng lực sản xuất: Hoàn thành đầu tư cải tạo tăng năng lực sản xuất cho các phân xưởng, hệ thống kho chứa hàng, kiểm nghiệm, cơ điện...

Thành lập mới Trung tâm R&D: Thông qua phương án đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu khắc khe về chất lượng trong lĩnh vực dược phẩm.

v. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị : Sau khi được thành lập và chính thức đi vào hoạt động, các tiểu ban đã phát huy tác dụng theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, kết quả thể hiện qua tính hiệu quả trong các hoạt động của HĐQT.

Tăng cường công tác thanh tra kiểm soát : thành lập bộ phận KSNB với nhiệm vụ tập trung kiểm soát, quản trị chi phí, tham mưu giúp Ban lãnh đạo trong công tác điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định.

Ban hành các quy chế hoạt động kịp thời nhằm gia tăng sự chủ động, linh hoạt, đồng thời với việc đảm bảo sự kiểm soát thường xuyên tại các đơn vị trực thuộc.

Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý : Đã tiến hành triển khai ứng dụng phần mềm quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp SAP- ERP và vận hành chính thức vào 01/4/2015 vừa qua. Đây là ứng dụng khoa học hiện đại, chuyên nghiệp mang lại nhiều tiện ích và hiệu quả thiết thực cho công ty, phù hợp tốt nhất khả năng mở rộng và phát triển công ty với quy mô lớn.

vi. Về nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

Đã hoàn thành 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước đã nghiệm thu trong năm 2015 và tiếp tục triển khai 07 đề tài/dự án cấp nhà nước về dòng sản phẩm thuốc điều trị ung thư.

Được Viện kiểm nghiệm thuốc chứng nhận Tương đương sinh học cho 1 sản phẩm: viên nang Diltiazem.

Được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 07 sản phẩm mới; 27 sản phẩm được cấp số đăng ký lại; 40 sản phẩm được gia hạn số đăng kí.

Triển khai nghiên cứu 11 sản phẩm mới; cải tiến nâng cao chất lượng 12 sản phẩm cũ; xây dựng và thẩm định quy trình sản xuất cho 158 sản phẩm.

Triển khai 7 đề tài, dự án cấp Nhà nước, dự án thuốc đông dược.

vii. Về công tác sắp xếp doanh nghiệp

Hoàn tất sáp nhập Bidiphar và Bidiphar 1 vào đầu năm 2015

Tháng 8 năm 2015 hoàn tất thoái vốn tại Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định theo lộ trình của UBND tỉnh phê duyệt.

viii. Về hoạt động thi đua khen thưởng

Trong năm 2015, toàn thể CBCNV đã lao động tích cực, phát huy tinh thần làm việc, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, đưa nhiệm vụ kế hoạch SXKD về đích thắng lợi. Ghi nhận thành tích đóng góp của tập thể và cá nhân trong suốt thời gian qua, Hội đồng Khen thưởng Công ty đã họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong năm 2015, kết quả đạt được như sau:

- + Có 752 CBCNV và 34 tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- + Có 230 CBCNV đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- + Có 233 CBCNV được Tổng giám đốc Công ty tặng Giấy khen;

Từ những thành tích đạt được ở cấp cơ sở, Hội đồng khen thưởng Công ty đã họp xét và bình chọn các cá nhân và tập thể tiêu biểu xuất sắc, có đủ tiêu chuẩn theo quy định để đề nghị các danh hiệu và hình thức khen cao hơn, cụ thể:

- + 02 cá nhân được đề nghị Thủ tướng tặng Bằng khen;

- + 23 cá nhân được đề nghị UBND tỉnh công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh;
- + 22 cá nhân và 02 tập thể được đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen;
- + 15 tập thể được đề nghị UBND tỉnh công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc;
- + 11 cá nhân được đề nghị Bộ Y Tế tặng Kỷ niệm chương Vì sức khỏe nhân dân;
- + 03 cá nhân được đề nghị Bộ Y tế tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú.

Ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng và những thành tích vượt bậc, trong năm qua công ty Bidiphar đã được khen tặng và công nhận những danh hiệu cao quý sau:

Tập thể	Cá nhân
- Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua năm 2014; - Thủ tướng Chính phủ tặng giải bạc Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2015; - Bộ Công thương tặng danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín; - Viện kiểm nghiệm TW khen về thành tích xuất sắc trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng; - Bộ Tài chính tặng Bằng khen về thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế; - Bộ Khoa học Công nghệ tặng Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015 cho TOP 100 thương hiệu tiêu biểu Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế; - UBND tỉnh Bình Định tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ năm 2012 đến năm 2015.	- Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trao 04 Giải Nhì và 02 Giải Ba trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần IX cho 6 cá nhân - Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định tặng Bằng khen cho 05 cá nhân và 01 tập thể; tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh cho 03 cá nhân; tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho 03 tập thể. - Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trao 04 Giải Nhì và 02 Giải Ba trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần IX cho 6 cá nhân. - Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định tặng Bằng khen cho 05 cá nhân và 01 tập thể; tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh cho 03 cá nhân; tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho 03 tập thể.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát	Chức vụ Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng
	Thành viên Hội đồng quản trị (07 thành viên)		
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT	Kế toán trưởng
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT độc lập	
	Thành viên Ban Kiểm soát (03 thành viên)		
8	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng BKS	
9	Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	
10	Bà Trình Phương Mai	Thành viên BKS	

Trong năm 2015, thành phần BKS có sự thay đổi nhân sự và đã được đại hội thống nhất thông qua kết quả bỏ phiếu.

- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga thay Bà Huỳnh Ngọc Bạch Phượng làm Trưởng BKS.
- Ông Huỳnh Thế Duy thay Ông Nguyễn Ngọc Dũng làm thành viên BKS.

i) Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

1. Ông NGUYỄN VĂN QUÁ	
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1961	
Trình độ: Kỹ sư kinh tế công nghiệp	
Quá trình công tác	
05/1983 - 08/1986	Nhân viên phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
09/1986 - 12/1987	Phó trưởng phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình.
01/1988 – 12/1989	Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Phó giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định
6/1995 – 11/2006	Phó giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
12/2006 – 2008	Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2009 – 2010	Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2010 – 02/2014	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 5.042.594 cp	

Trong đó : + Sở hữu cá nhân :	157.324 cp
+ Sở hữu đại diện :	4.885.270 cp

2. Bà PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1965	
Trình độ: Thạc sỹ Dược	
Quá trình công tác	
1989 – 2001	Công tác tại xí nghiệp Dược Bình Định sau đổi tên thành Công ty Dược Bình Định. Giữ các chức vụ : Quản đốc phân xưởng - Trưởng phòng kiểm nghiệm – Trưởng phòng đảm bảo chất lượng - Phó giám đốc
2001 - 2007	Phó giám đốc Sở y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ Bình Định
2009 - 02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.818.725 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 303.628 cp	
+ Sở hữu đại diện : 2.515.097 cp	

3. Ông NGUYỄN THANH GIANG	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1967	
Trình độ: Cử nhân Tài chính – kế toán	
Quá trình công tác	
10/1990 - 5/1995	Kế toán viên – Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
6/1995 - 12/1996	Phó phòng Tài vụ Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/1997 - 1/2000	Phó Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2000 - 3/2009	Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
4/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.630.401 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 115.304 cp	
+ Sở hữu đại diện : 2.515.097 cp	

4. Ông HUỖNH NGỌC OANH	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Dược sĩ Đại học	
Quá trình công tác	
4/1988 - 12/1991	Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty Dược Tuy Phước Bình Định
1/1992 - 1996	Công tác tại trạm đại diện Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
1/1997 - 9/2010	Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2010 - 9/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2011 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.927.521 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 412.424 cp	
+ Sở hữu đại diện : 2.515.097 cp	

5. Bà NGUYỄN THỊ MAI HOA	
Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Bidiphar	
Năm sinh: 1965	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
8/1987 - 12/1989	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
1/1990 - 5/1995	Nhân viên kế toán Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
6/1990 - 9/2006	Nhân viên kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2006 - 4/2008	Phó phòng kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
5/2008 - 8/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
9/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.595.161 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 80.064 cp	
+ Sở hữu đại diện : 2.515.097 cp	

6. Bà NGUYỄN THỊ MAI ANH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Đại diện phần vốn Nhà nước	
Năm sinh: 1973	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
3/1997-10/1999	Công tác tại Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Bình Định
10/1999-8/2010	Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
9/2010 – 2/2014	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
2/2014 đến nay	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dược-TTB Y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu đại diện vốn Nhà nước : 2.515.097 cp	

7. Ông NGUYỄN VĂN THỊNH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
2/1987 – 9/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
9/2000 – 4/2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
5/2005 - 6/2007	Giám đốc Xí nghiệp Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
7/2007 – 11/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
11/2009 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn
7/2007 – 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 55.455 cp	

ii) Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

1. Bà NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	
Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1971	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	

1991 – 1992	Công nhân Phân xưởng thuốc tiêm Công ty Dược-TTBYT Bình Định
1993	Học Dược tá bán thuốc tại Sở y tế Bình Định
1994 – 2000	Học Đại học kế toán
2000 – 2008	Nhân viên bán hàng thuộc phòng Kinh doanh Công ty Dược-TTBYT Bình Định
2009 – 04/2015	Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
04/2015 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 62.884 cp	

2. Ông HUỖNH THẾ DUY	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1985	
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính	
Quá trình công tác	
06/2008 – 12/2014	Nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1
01/2015 – 04/2015	Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
04/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 12.496 cp	

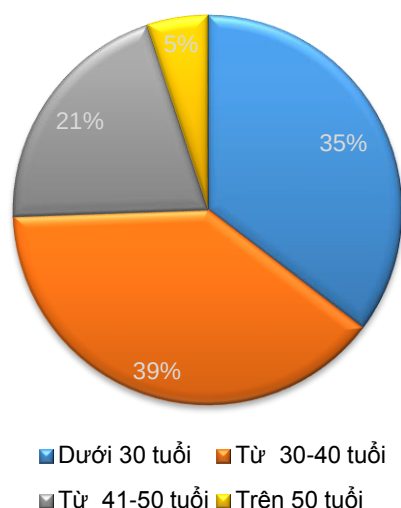
3. Bà TRẦN PHƯƠNG MAI	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1989	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
4/2012 – 2/2014	Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định kiêm Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định

b) Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2015 là 1.127 người. Trong đó, trên đại học: 23 người, đại học: 266 người; trung cấp: 261 người và trình độ khác: 577 người.

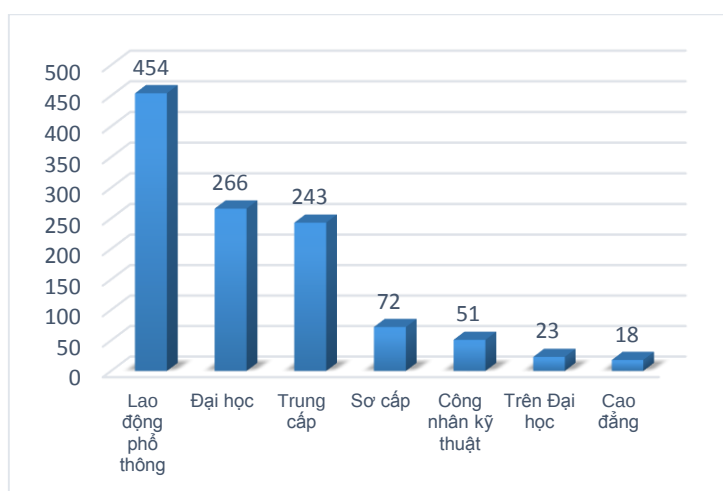
Bảng cơ cấu lao động theo độ tuổi năm 2015

TT	Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dưới 30 tuổi	398	35%
2	Từ 30-40 tuổi	441	39%
3	Từ 41-50 tuổi	231	20%
4	Trên 50 tuổi	57	5%
	Tổng	1.127	100%



Cơ cấu lao động theo trình độ năm 2015

TT	Trình độ	Số lượng	Chiếm tỷ lệ
1	Lao động phổ thông	454	40%
2	Đại học	266	24%
3	Trung cấp	243	22%
4	Sơ cấp	72	6%
5	Công nhân kỹ thuật	51	5%
6	Trên Đại học	23	2%
7	Cao đẳng	18	1%
	Tổng	1.127	100%



c) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Chính sách khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao:

Thu hút nguồn nhân lực được đào tạo chính quy từ các trường đại học uy tín.

Khuyến khích tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn phát huy cao nhất khả năng.

Xây dựng hệ thống vị trí công việc gắn với chức năng nhiệm vụ cụ thể.

Hoạt động đào tạo người lao động

Liên tục đào tạo chuyên môn và quản lý cho người lao động. Năm 2015 Công ty đã thực hiện đào tạo 1.388 lượt người tham gia 38 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, với kinh phí gần 2 tỷ đồng, cụ thể như:

- Tổ chức 13 lớp đào tạo cập nhật kiến thức, nâng cao nghiệp vụ, tái đào tạo ISO, GPs cho 662 lượt người.
- Phối hợp với Trung tâm đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp dược, mỹ phẩm – Cục Quản lý dược, Viện Kiểm nghiệm thuốc TW, Trường Đại học Dược Hà Nội... đào tạo Thông tư 44/2014/TT-BYT, ISO 17025, Quy chế chuyên môn về Dược, Thiết kế thí nghiệm, tối ưu hóa công thức, quy trình...
- Cử người tham gia đào tạo tại các Trung tâm đào tạo uy tín như VCCI, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Viện năng suất Việt Nam... đào tạo quy chế chuyên môn về dược, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001: 2015, Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, thiết lập hồ sơ nghiên cứu phát triển sản phẩm và chuẩn làm việc trong hồ sơ đăng ký thuốc, tập huấn an toàn vệ sinh lao động...
- Hiện có trên 30 dược sĩ đại học đang theo học lớp chuyên khoa I do Đại học Y Dược Tp HCM tổ chức và 01 thạc sỹ đang đào tạo tiến sỹ.

Về chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ chính sách cho người lao động

Tiền lương, thưởng được trả cho CB-CNV theo quy định pháp luật và quy chế lương, thưởng của Bidiphar, trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc của từng chức danh, theo chuyên môn, tay nghề để đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Chế độ lương, thưởng của Bidiphar đảm bảo mức sống của người lao động, phù hợp với từng lĩnh vực, bán hàng, sản xuất, văn phòng.

Chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có thành tích đóng góp cho Bidiphar: thưởng định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất, thưởng cho sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu quả công việc.

100% người lao động Bidiphar được tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.

Tất cả CB-CNV Bidiphar được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

CB-CNV Bidiphar được trang bị đồng phục mỗi năm để đi làm việc.

Kết hợp với các đoàn thể tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động. Ngoài ra còn thăm hỏi, tặng quà cho người lao động trong các dịp đặc biệt hay ốm đau, hiếu hỉ của người thân.

Bidiphar còn có chương trình chăm lo cho con em CB-CNV: Tết trung thu, Quốc tế thiếu nhi, hỗ trợ đào tạo, khen thưởng con em CB-CNV có thành tích học tập tốt.

Hàng năm công ty dành một khoản kinh phí từ Quỹ phúc lợi để tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp đào tạo lên tinh thần nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó, vui vẻ trong đội ngũ sau những ngày làm việc mệt nhọc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Hoàn thành đầu tư cải tạo tăng năng lực sản xuất cho các phân xưởng, hệ thống kho chứa hàng, kiểm nghiệm, cơ điện với tổng chi phí 30 tỷ đồng.

Đầu tư xây dựng mới phân xưởng Vi sinh với tổng vốn đầu tư 21 tỷ đồng, đến cuối năm 2015 đã hoàn thành cơ bản các hạng mục đề ra.

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu và phát triển với tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe về chất lượng trong lĩnh vực dược phẩm bắt đầu từ giai đoạn nghiên cứu; đến nay đã thi công hoàn thành phần thô.

Đang triển khai dự án xây dựng Nhà văn phòng CN Bidiphar Khánh Hòa, dự kiến Quý IV 2016 đưa vào sử dụng.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Giải ngân năm 2014	Giải ngân năm 2015	Giải ngân năm 2016 - 2017
1	Đầu tư tăng năng lực sản xuất cho các phân xưởng: thuốc Viên, Đông khô, thuốc nước, Bột tiêm, vi sinh, hệ thống kho, kiểm nghiệm.	Bình Định	70,0	5,0	30,9	34,1
2	Đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển.	Bình Định	20,0		7,2	12,8
3	Tiếp tục hoàn thiện hạng mục xây dựng nhà văn phòng.(khởi công 2013)	Bình Định	26,0	16,85	5,2	4
4	Thành lập Trung tâm nghiên cứu trồng và chiết suất dược liệu.	Bình Định	20,0	0,5	1,2	18,3
5	Đầu tư mới Doanh nghiệp KHCN sản xuất dược phẩm.Nhà máy SX thuốc điều trị ung thư.	Bình Định	280			280
6	Phát triển hệ thống phân phối : đầu tư xây dựng Văn phòng chi nhánh ngoài tỉnh	Đà Nẵng, Quảng Trị, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đồng bắc bộ, Nghệ An	40,0	4,5	3,1	32,4
6	Đầu tư hệ thống SAP , hệ thống trực tuyến	Văn phòng công ty và các chi nhánh	27,0	10,5	5	11,5
	Cộng		483,0	37,35	52,6	393,95

b) Các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Công ty liên kết	Doanh thu	LN trước thuế	LN sau thuế
1	Công ty CP cao su Bidiphar	71.380	(21.122)	(21.122)

2	Công ty CP khoáng sản Biotan	21.578	(5.711)	(5.711)
---	------------------------------	--------	---------	---------

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Tất cả các chỉ tiêu đều tăng trưởng tốt so với năm 2014. Trong đó, lợi nhuận tăng đột biến do hiệu quả đầu tư từ Công ty sáp nhập.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	796.367	1.067.933
2	Doanh thu thuần	1.325.517	1.225.068
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	76.947	129.776
4	Lợi nhuận khác	2.322	144.080
5	Lợi nhuận trước thuế	79.269	273.856
6	Lợi nhuận sau thuế	63.280	214.766
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.515	4.500

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,03 0,83	1,60 1,24
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn Hệ số nợ/ tổng tài sản Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	0,61 1,57	0,48 0,93
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho	12,11	5,75
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,05 0,20 0,08 0,06	0,18 0,50 0,23 0,11

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

TT	Đối tượng	CP Hạn chế chuyển nhượng	CP Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước		17.460.755	17.460.775	41,65%
2	Công đoàn Công ty		371.230	371.230	0,89%
3	Tổ chức trong nước		505.520	505.520	1,21%
4	Cá nhân trong nước	336.800	23.243.903	23.580.703	56,25%
5	Cổ phiếu quỹ		71	71	0,00%
	Cộng	336.800	41.581.479	41.918.299	100%

b) Cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1	17.460.775	41,65%
2	Công đoàn Công ty	1	371.230	0,89%
3	Tổ chức trong nước	2	505.520	1,21%
4	Cá nhân trong nước	1.515	23.580.703	56,25%
5	Cổ phiếu quỹ	1	71	0,00%
	Cộng	1.520	41.918.299	100%

Cổ đông lớn (năm giữ lượng cổ phiếu $\geq 5\%$ vốn điều lệ)

Quỹ đầu tư & phát triển Bình Định (cổ đông nhà nước) nắm giữ 17.460.755 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 41,65% vốn điều lệ.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 vừa qua, trước bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên vẫn còn đó nhiều khó khăn, chính sách vĩ mô thường xuyên thay đổi, đặc biệt là các quy định trong ngành sản xuất dược phẩm; thị trường cạnh tranh gay gắt, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Bằng nhiều giải pháp đồng bộ và linh hoạt công ty đã nỗ lực thực hiện đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh; chủ động vượt qua các khó khăn thách thức, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp, duy trì lòng tin đối với các nhà đầu tư, các khách hàng.

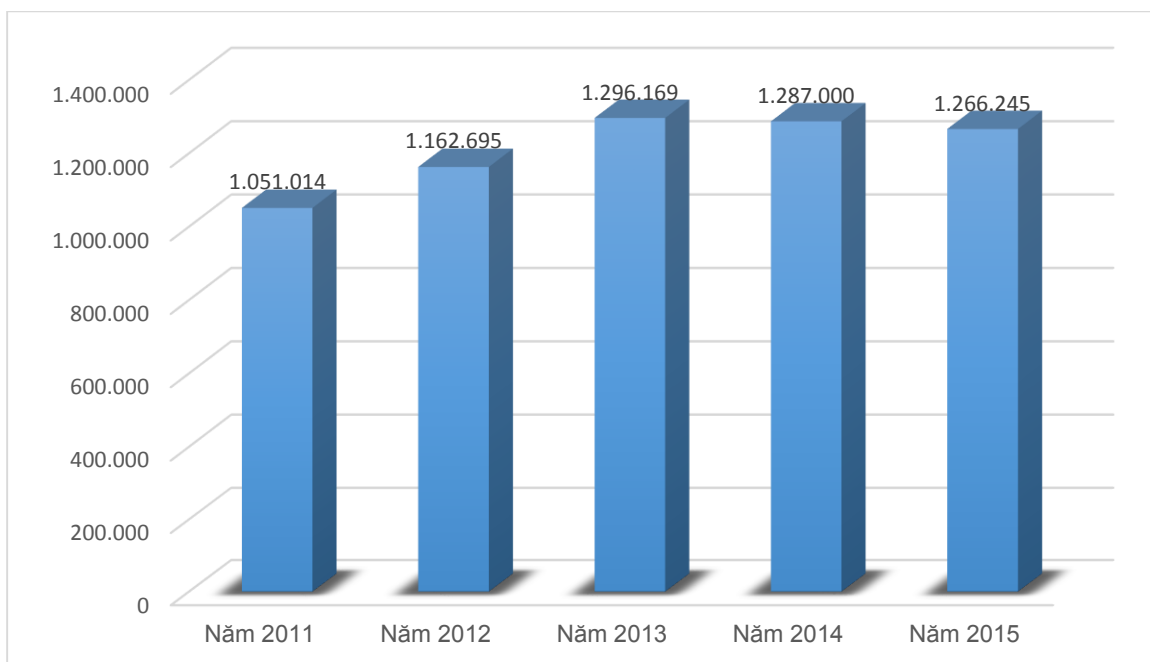
Hiện, Bidiphar đã có bước phát triển khá ổn định, đã củng cố và phát triển tốt mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành, tạo điều kiện đưa các sản phẩm của Bidiphar đến với khách hàng nhanh chóng, kịp thời và đảm bảo chất lượng. Mặt khác, Bidiphar cũng đã tạo lập được cho mình những giá trị riêng biệt, có chỗ đứng uy tín trên thị trường dược phẩm trên cả nước.

Với những bước đi đúng định hướng, năm qua công ty về cơ bản đã vượt qua những khó khăn và hoàn thành tương đối các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

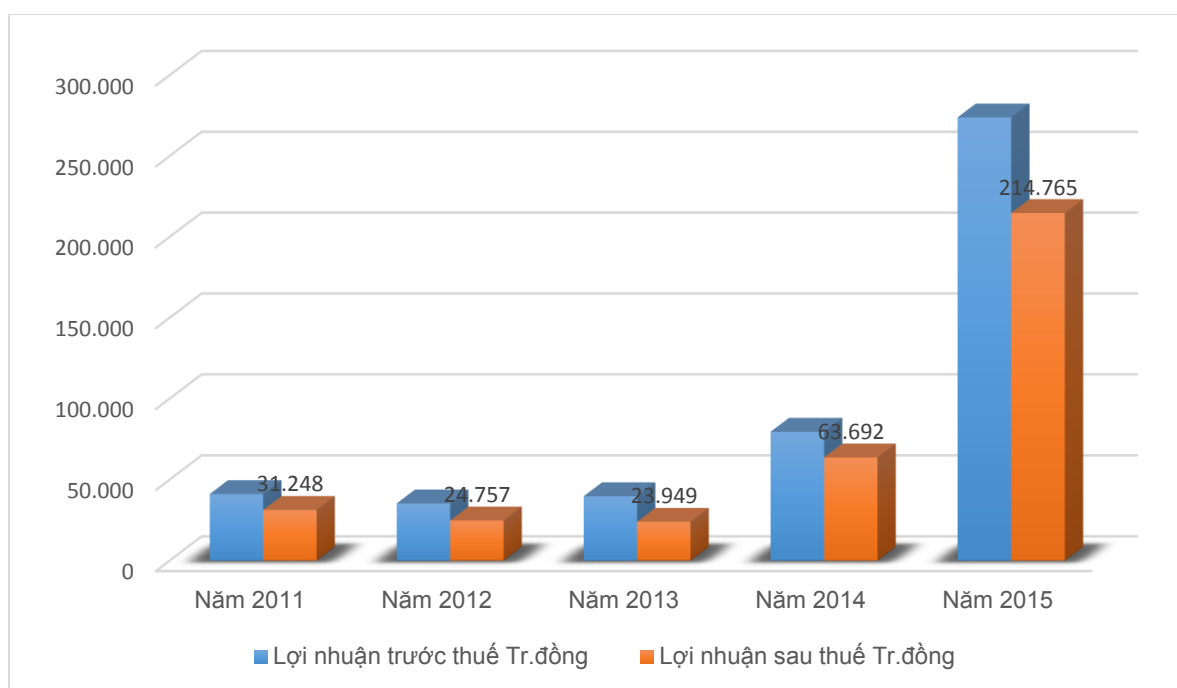
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu	1.051.014	1.162.695	1.296.169	1.287.000	1.266.245
2	Lợi nhuận trước thuế	41.082	35.279	39.701	79.269	273.855
3	Lợi nhuận sau thuế	31.248	24.757	23.949	63.692	214.765

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu giai đoạn 2011 - 2015



Biểu đồ tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2011 - 2015



(Lợi nhuận năm 2015 bao gồm thu nhập thu được từ hoạt động sáp nhập Bidiphar và Bidiphar 1, chiếm 52,5% tổng lợi nhuận)

2. Tình hình tài chính

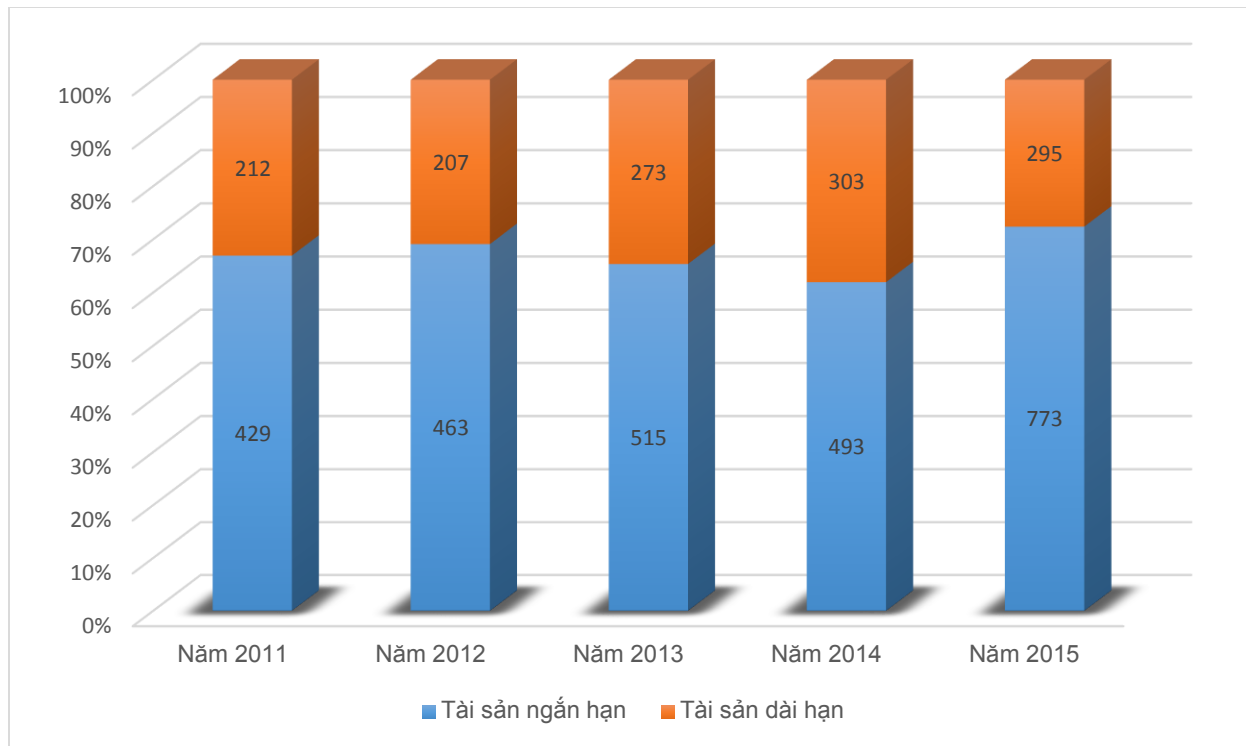
a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm tăng 34% so với năm 2014 (tương đương 272 tỷ đồng)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu tài sản	641		670		788		796		1.068	
1	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	429	67%	463	69%	515	65%	493	62%	773	72%
2	<i>Tài sản dài hạn</i>	212	33%	207	31%	273	35%	303	38%	295	28%

Biểu đồ biến động tình hình tài sản giai đoạn 2011 - 2015



Tài sản tăng chủ yếu là do việc sáp nhập làm tăng các mục chủ yếu sau: Hàng tồn kho, tài sản cố định, đầu tư tài chính ngắn hạn.

Về hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị: Hiệu suất sử dụng bình quân cả Công ty đạt 60% công suất thiết kế. Hiệu suất này là hợp lý và nằm trong kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

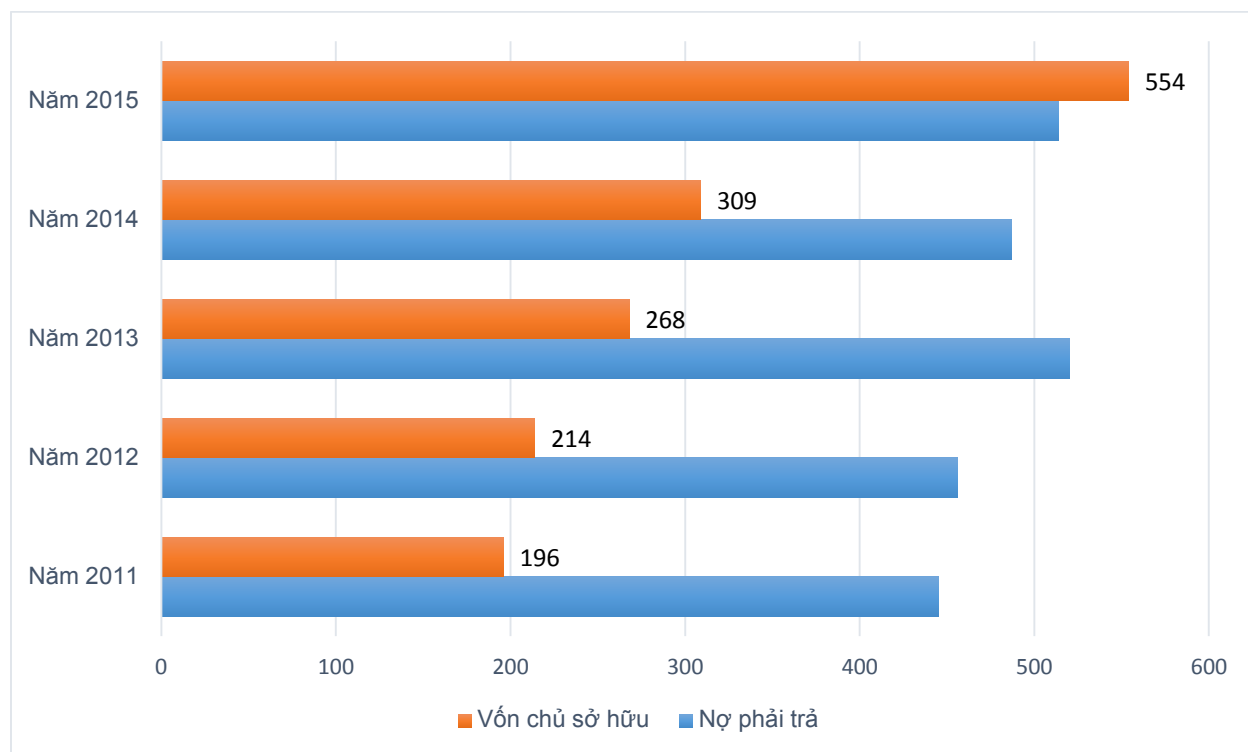
Tổng nợ phải trả chiếm 48% và vốn chủ sở hữu chiếm 52% tổng nguồn vốn của Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu nguồn vốn	641		670		788		796		1.068	
1	Nợ phải trả	445	69%	456	68%	520	66%	487	61%	514	48%

2	Vốn chủ sở hữu	196	31%	214	32%	268	34%	309	39%	554	52%
---	----------------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

Biểu đồ cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu giai đoạn 2011 - 2015



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Cơ cấu tổ chức

Tái cấu trúc phòng Nghiên cứu thành Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu một cách hiệu quả nhất.

Thành lập phòng Kiểm soát nội bộ nhằm giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả hoạt động trong toàn Công ty.

b) Chính sách và quản lý

Hệ thống bán hàng

Triển khai công tác bán hàng một cách chuyên nghiệp và chủ động hơn. Xây dựng kế hoạch bán hàng chi tiết cho từng kỳ đến từng nhân viên bán hàng.

Khảo sát, đánh giá và xây dựng thành công 02 phương án mở rộng hệ thống phân phối trên toàn quốc: Thanh Hóa, Hải Phòng. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Chi nhánh Khánh Hòa.

Hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2015 Bidiphar tiếp tục duy trì thành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001:2008 về quản lý chất lượng.

Cập nhật các quy định mới của GMP để sẵn sàng cho tái đánh giá GMP 2016.

Triển khai các hoạt động quản lý chất lượng trên SAP.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển, tạo nhóm danh mục sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh cao.

Đánh giá và tối ưu hóa danh mục sản phẩm hiện có.

Tiếp tục phân tích, đánh giá mở rộng hệ thống phân phối trong nước và thị trường xuất khẩu.

5. Báo cáo phát triển bền vững

a) Cam kết với các bên liên quan

Với người tiêu dùng	Cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt và đảm bảo an toàn. Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị nâng cao tác dụng trong điều trị Sản phẩm được phân phối với mức giá phù hợp.
Với cổ đông	Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững.
Với nhà nước	Tuân thủ chính sách, quy định nhà nước về thuế và các nghĩa vụ liên quan.
Với nhân viên	Đảm bảo việc làm ổn định, môi trường làm việc an toàn, phát triển bản thân và thu nhập ngày càng tăng.
Với cộng đồng	Có trách nhiệm chia sẻ và chung tay phát triển cộng đồng.

Với cam kết đó, năm 2015, đánh dấu một bước phát triển mới của Bidiphar cũng như các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững mà Công ty đã đặt ra.

b) Kinh tế

Giá trị mang lại cho các bên liên quan

Bên liên quan	Giá trị	
Cổ đông	Cổ tức	63 tỷ đồng
Nhà nước	Tiền thuế nộp NSNN	87 tỷ đồng
Cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng	03 tỷ đồng

c) Môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất dược phẩm về nguyên tắc phải tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt về sản xuất của tổ chức WHO. Tuy nhiên Bidiphar cũng định hướng việc trở thành doanh nghiệp xanh, sạch và tuân thủ các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

Hệ thống nhà xưởng của Bidiphar đã đạt tiêu chuẩn GMP WHO do Cục Quản lý Dược Việt nam chứng nhận.

Tất cả các dự án đầu tư mới của Bidiphar đều được các tổ chức kiểm tra và đánh giá tác động môi trường trước khi thực thi.

Xây dựng khuôn viên cây xanh, hệ thống đường nội bộ sạch đẹp tạo cảnh quan thẩm mỹ trong toàn doanh nghiệp.

d) Người lao động

Luôn tuân thủ phương châm lấy nguồn nhân lực làm yếu tố quyết định của mọi sự phát triển. Bidiphar luôn chú trọng xây dựng chính sách và môi trường làm việc phù hợp, hiện đại nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, cống hiến của mình. Thực hiện các chương trình thu hút nhân tài đi kèm với chính sách đãi ngộ hấp dẫn; kết hợp với hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện có.

e) Cộng đồng địa phương

Hoạt động xã hội

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội đầy ý nghĩa, đi đầu trong các hoạt động công ích xã hội với tổng kinh phí hơn 3 tỷ đồng, trong đó có các hoạt động tiêu biểu như:

- Phối hợp với Trung tâm y tế Quy Nhơn tổ chức khám và cấp thuốc miễn phí cho hơn 300 người già có công, neo đơn tại phường Bùi Thị Xuân;
- Tổ chức chương trình “Bếp Cháo Yêu Thương” định kỳ hàng tháng tại các Bệnh viện và Trung tâm y tế trong tỉnh
- Tổ chức thăm và tặng quà cho 202 học sinh nghèo học giỏi tại các xã An Toàn (huyện An Lão), xã Mỹ Chánh + Mỹ Thành (huyện Phù Mỹ); quyên góp ủng hộ CNVCLĐ và nhân dân gặp nạn sau trận mưa lũ ở các tỉnh Miền núi phía Bắc;
- Ủng hộ quỹ từ thiện hỗ trợ người nghèo tỉnh Bình Định; triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; thăm và tặng quà cho 10 gia đình có công cách mạng tại huyện Tuy Phước.

Hoạt động Đảng, đoàn thể

Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức năm 2015 đều tăng đáng kể. Thực hiện tốt các mục tiêu cổ phần hóa, đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ sâu rộng trong toàn đơn vị. Không để xảy ra đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động nào. Năm 2014 Đảng bộ Công ty đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đạt đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức công đoàn và đoàn viên, làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và CNV lao động. Không để xảy ra tình trạng biểu tình, lãn công, đơn thư khiếu kiện..

Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp với Đảng ủy cho cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng; phối hợp với các cấp chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên thanh niên nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, kỷ luật của công ty. Tham gia tích cực các hoạt động xung kích do Tỉnh đoàn,

Đoàn khối phát động như: tháng thanh niên, thanh niên tình nguyện hè, chương trình hiến máu nhân đạo... đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

6. Báo cáo quản trị rủi ro

Bidiphar hoạt động sản xuất kinh doanh phạm vi nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và địa bàn hoạt động rộng cả trong và ngoài nước, nguồn nguyên liệu chưa chủ động phần lớn đều nhập khẩu từ nước ngoài,... do đó sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ gắn liền với đặc điểm, điều kiện kinh tế, chính trị từng ngành, lĩnh vực hoạt động hay từng vùng lãnh thổ. Nguyên tắc quản trị rủi ro phải được xác định ngay từ đầu để có chính sách quản trị hiệu quả, nhằm giảm thiểu những thiệt hại. Có thể định hình các rủi ro có khả năng xảy ra:

a) Rủi ro từ hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong thời kỳ hiện tại luôn hiện hữu việc cạnh tranh gay gắt với các đối thủ, nhất là trong lĩnh vực dược phẩm, cả đối thủ trong nước lẫn đối thủ đến từ bên ngoài. Chúng ta luôn phải đối mặt với rủi ro thua kém năng lực cạnh tranh với các đối thủ do giảm sút năng lực cạnh tranh từ một khía cạnh nào đó. Bidiphar luôn chú trọng đánh giá phân tích đối thủ cạnh tranh trên mọi phương diện: sản xuất, kinh doanh, tài chính, sản phẩm, thị trường và thời điểm nhằm đưa ra quyết sách đúng đắn trong kinh doanh tại mỗi thời điểm. Đồng thời khi định hướng chiến lược phải đưa ra được chiến lược ngắn hạn, dài hạn và có chính sách tiên phong phát triển sản phẩm/dịch vụ đặc thù có lợi thế nhằm giảm áp lực cạnh tranh.

b) Rủi ro tài chính

Đây là chuỗi các rủi ro về tài chính, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về dòng tiền,... mà chúng ta sẽ phải đối mặt khi bắt đầu thực hiện kinh doanh. Những rủi ro này dẫn đến các hệ lụy giảm hiệu quả kinh doanh khi tỷ giá, lãi vay tăng hoặc gia tăng áp lực tài chính về dòng tiền khi mất cân đối dòng tiền. Nắm bắt những bất ổn về chính sách tiền tệ trong khi nền kinh tế chưa phát triển, Bidiphar đã chủ động hoạch định cân bằng các yếu tố tài chính với năng lực hiện tại, chủ động khai thác các nguồn vốn nhằm bù đắp các rủi ro tài chính (thực hiện huy động dài hạn từ CBCNV), tăng vòng quay đồng vốn nhằm tăng tính thanh khoản của hoạt động,....

c) Rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư

Bidiphar xác định hoạt động đầu tư là tiền đề của sự đổi mới, do đó công tác đầu tư được đánh giá ở vị trí ưu tiên trong định hướng chiến lược hay trong mỗi kế hoạch ngắn hạn của công ty. Rủi ro về đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến thất thoát về vốn và giảm hiệu quả kinh doanh. Do đó ngay từ khi phát sinh các dự án đầu tư đều được đánh giá một cách kỹ lưỡng từ đề xuất đầu tư cho đến khi mở xẻ phân tích toàn diện các dự án tiềm khả thi, dự án khả thi và thông qua Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định cuối cùng.

d) Rủi ro về chính sách vĩ mô

Các chính sách vĩ mô (trong nước và ngoài nước) đều có ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và tác động mạnh mẽ đến chính sách/kế hoạch kinh doanh của mỗi một thành viên hoạt động trong nền kinh tế đó. Nền kinh tế Việt nam còn chưa mạnh, các chính sách tài chính, tiền tệ, chính sách về chuyên môn ngành đặc thù vẫn tiềm ẩn nhiều sự thay đổi. Rủi ro lạm phát luôn hiện hữu. Chính sách điều hành còn chưa nhất quán và thiếu tính định hướng cho doanh nghiệp. Đối với những bất cập/rủi ro do chính sách vĩ mô, Bidiphar luôn xác định tìm mọi biện pháp thật sự linh hoạt, chủ động để thích ứng. Tích cực theo dõi sát sao, nắm bắt tốt nhất các định hướng dài hạn, cơ bản của chính sách nhằm có được cái nhìn tổng thể để xây dựng chính sách kinh doanh đúng đắn cho riêng mình.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2015, HĐQT đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 đã biểu quyết thông qua. Trong đó ưu tiên cao nhất việc triển khai thực hiện các định hướng chiến lược trong năm 2015 và giai đoạn 2016-2020, đồng thời cùng Ban điều hành công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD.

Các nội dung cụ thể về hoạt động của HĐQT bao gồm:

➤ Các nội dung cụ thể đã thực hiện trong năm 2015

- Nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động, HĐQT đã quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên trách bao gồm: Tiểu ban xây dựng chiến lược phát triển, Tiểu ban phát triển thị trường, Tiểu ban truyền thông, pháp chế và quản trị rủi ro, Tiểu ban nhân sự và tiền lương.

- Triển khai thông qua Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển, đồng thời thực hiện đổi mới hoạt động, nhân sự tại Trung tâm R&D.
- Thực hiện Phương án đầu tư cải tạo tăng năng lực các phân xưởng sản xuất, hệ thống kho chứa hàng, kiểm nghiệm và Phân xưởng cơ điện,....
- Đối với Dự án dược liệu sạch tại xã An Toàn huyện An Lão: Hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm cấy mô tại Quy Nhơn; đưa vào sử dụng các hạng mục thuộc Dự án trồng dược liệu sạch theo tiêu chuẩn GACP, bao gồm: nhà điều hành, nhà kính và Khu Vườn ươm giống.
- Triển khai ứng dụng thành công phần mềm quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp SAP ERP giai đoạn 1; bước đầu mang lại hiệu quả tốt trong việc quản lý và điều hành, báo cáo số liệu kịp thời cho các quyết định quản lý, tiết kiệm tối đa chi phí vận hành hệ thống và khả năng kiểm soát cao nhất.

➤ ***Các nội dung dở dang tiếp tục triển khai trong năm tới***

- Hoàn tất hồ sơ Dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp KHCN sản xuất dòng sản phẩm thuốc đông khô và thuốc điều trị ung thư.
- Tiếp tục triển khai mở rộng hệ thống phân phối tại các tỉnh, bao gồm đầu tư xây dựng văn phòng tại các Chi nhánh : Đà Nẵng, Quảng Trị và Nghệ An. Thông qua phương án thành lập Chi nhánh Bidiphar Thanh Hóa và phương án thành lập chi nhánh khu vực Bắc Bình Định trên cơ sở hợp nhất 03 chi nhánh Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các Phân xưởng sản xuất nhằm nâng công suất sản phẩm và gia tăng chất lượng sản phẩm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2015, trong điều kiện nền kinh tế nước ta có dấu hiệu hồi phục tuy chưa rõ nét, tốc độ tăng trưởng còn thấp, chính sách quản lý của Nhà nước về ngành Dược còn nhiều bất cập, cạnh tranh ngày càng cao,... tuy nhiên Ban điều hành công ty đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất, giữ vững được thị trường, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn nhất. Hiệu quả kinh doanh về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên giao; gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống người lao động. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015 của Ban Tổng giám đốc.

Theo đó các giải pháp điều hành chủ yếu nổi bật trong năm 2015 theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã thực hiện được: đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, công tác quản trị ngày càng nề nếp và cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng đơn vị, tăng cường công tác quản lý nợ,tạo điều kiện nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Từ việc nghiên cứu khả năng và phân tích hiện trạng chung của công ty, HĐQT đưa ra một số các định hướng chiến lược trong giai đoạn tới như sau :

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống sản xuất, tập trung hợp lý hóa dây chuyền sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, đầu tư bổ sung tăng năng lực sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, và đầu tư mở rộng nhằm phát triển sản phẩm mới.
- Củng cố và tiếp tục phát triển hệ thống phân phối đáp ứng yêu cầu thị trường, trong đó đầu tư xây dựng và thành lập các chi nhánh mới ngoài tỉnh.
- Định hướng việc xây dựng và phát triển thương hiệu/sản phẩm mang tính chiến lược và phân kỳ ngắn hạn hoặc dài hạn, trong từng dòng sản phẩm/sản phẩm cụ thể nhằm tập trung nguồn lực và tăng tính khả thi của mỗi một giai đoạn thực hiện.
- Chú trọng phát triển công tác nghiên cứu khoa học tạo ra các sản phẩm mới có giá trị, xác định là tiền đề của sự phát triển bền vững. Tập trung đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) theo định hướng phát triển công tác nghiên cứu khoa học tại công ty.
- Triển khai ứng dụng các nghiên cứu từ dự án cấp nhà nước về thuốc điều trị ung thư, Đầu tư nhà máy sản xuất tại Bình Định thông qua việc thành lập mới doanh nghiệp khoa học công nghệ.
- Tiếp tục phát triển mảng nuôi trồng, chiết suất dược liệu và tiến tới thành lập nhà máy sản xuất sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng CNTT vào quản lý, trong đó nghiên cứu triển khai hệ thống SAP ERP giai đoạn 2 vào năm 2016 và 2017.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty được thành lập có 07 thành viên, trong đó cơ cấu thành viên HĐQT độc lập có 02 thành viên, theo đúng quy định của Thông tư 121 và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 16 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 12 Nghị quyết và 04 Quyết định. Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp HĐQT đều có mời Ban kiểm soát tham dự họp để đề trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh.

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1.	509a/NQ-HĐQT	26/03/2015	Thông qua các nội dung cần chuẩn bị cho ĐH cổ đông CTCP Dược -TTBYT BD năm 2015
2.	743/QĐ-HĐQT	05/05/2015	Thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019
3.	573a/NQ-HĐQT	11/05/2015	Thông qua phương án đầu tư cải tạo phân xưởng Vi sinh
4.	801/QĐ-HĐQT	18/05/2015	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nghệ An
5.	817a/NQ-HĐQT	20/05/2015	Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015
6.	831a/NQ-HĐQT	25/05/2015	Thông qua đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu & Phát triển
7.	859a/NQ-HĐQT	01/06/2015	Thông qua phương án đầu tư xây dựng cải tạo kho số 2 thuộc Tổng kho Bidiphar
8.	872/NQ-HĐQT	05/06/2015	Thông qua đầu tư mua sắm thiết bị cho Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
9.	836a/NQ-HĐQT	15/07/2015	Thông qua đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP – PIC/S
10.	1020/NQ-HĐQT	20/07/2015	Thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch doanh thu năm 2015
11.	1022a/NQ-HĐQT	25/07/2015	Thông qua các giải pháp nhằm đạt doanh thu 6 tháng cuối năm 2015
12.	931/NQ-HĐQT	17/06/2015	Thông qua phương án bán phần vốn của CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định tại CTCP Muối & Thực phẩm Bình Định
13.	1262b/QĐ-HĐQT	28/09/2015	Bổ nhiệm Trưởng phòng Marketing
14.	1269/QĐ-HĐQT	28/09/2015	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển
15.	446/NQ-HĐQT	19/02/2016	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015
16.	525/NQ-HĐQT	11/03/2016	Thống nhất các chỉ tiêu KHSXKD năm 2016 và nội dung Phương án phát hành cổ phiếu

- Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch	16	100%
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	16	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên	16	100%
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên	16	100%
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	16	100%
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên độc lập	16	100%
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên độc lập	16	100%

2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã có những ý kiến đóng góp thiết thực về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- Kiểm soát báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành của Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Kết quả kiểm soát, kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2015:

➤ ***Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành***

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được cung cấp đầy đủ cho Ban Kiểm soát, nội dung các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở các chỉ tiêu năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực thi nhiều giải pháp mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tài chính, quản lý rủi ro, đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đạt mức doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định và định hướng của Hội đồng Quản trị công ty.

Với những định hướng đúng đắn và chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, cùng với việc tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc đã tạo nên kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty đạt kế hoạch mà Đại Hội Cổ đông đã biểu quyết thông qua cụ thể là doanh thu vừa đạt kế hoạch, tổng lợi nhuận vượt 128%; trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính vượt 8%.

➤ ***Về công tác phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành***

Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các góp ý của Ban Kiểm soát được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thực hiện hợp lý.

Các thông tin, tài liệu cuộc họp, biên bản, nghị quyết của Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ, kịp thời đến Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát của mình.

Các đơn vị trực thuộc, phòng ban của Bidiphar tích cực hợp tác, hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với mục đích góp phần nâng cao chất lượng công tác quản trị, phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

➤ ***Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã đề ra.

➤ ***Về công tác kế toán tài chính***

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Số liệu trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS

(*) Giao dịch cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

(*) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

Thù lao HĐQT, BKS

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám Đốc	82.000.000
2	Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	66.000.000
3	Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	60.000.000
4	Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	60.000.000
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	60.000.000
6	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	30.000.000
7	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000
8	Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban kiểm soát	55.000.000
9	Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	43.000.000
10	Trình Phương Mai	Thành viên BKS	20.000.000

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 - công ty liên kết (gọi tắt là “Bidiphar 1”) theo phương án hoán đổi cổ phần giữa Bidiphar 1 và Công ty theo tỷ lệ 1:2,3 (01 cổ phần Bidiphar 1 sẽ được hoán đổi thành 2,3 cổ phần của Công ty) căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 707/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 10 năm 2014.

Số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của các nguyên nhân đã trình bày tại Thuyết minh số 01.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.

2. Nội dung đầy đủ báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		772.566.356.477	492.865.805.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	210.691.770.915	138.943.070.425
1. Tiền	111		53.691.770.915	34.943.070.425
2. Các khoản tương đương tiền	112		157.000.000.000	104.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.001.393.300	1.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	110.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		272.480.717.129	257.618.296.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		255.394.156.873	252.531.873.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.333.859.132	712.920.151
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	727.446.288	758.302.955
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.868.639.231	3.763.068.327
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.843.384.395)	(147.868.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	174.194.094.594	94.796.338.978
1. Hàng tồn kho	141		174.194.094.594	94.796.338.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.198.380.539	1.506.705.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.074.484.027	1.072.425.297
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		787.361.125	434.280.665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	336.535.387	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		295.366.841.171	303.500.952.627
I. Tài sản cố định	220		168.267.550.754	108.434.494.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	125.594.233.461	68.635.648.980
- Nguyên giá	222		304.474.710.086	107.187.771.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.880.476.625)	(38.552.122.799)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	42.673.317.293	39.798.845.287
- Nguyên giá	228		44.077.530.900	40.476.421.336
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.404.213.607)	(677.576.049)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.415.993.585	10.022.219.802
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	21.415.993.585	10.022.219.802
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.066.301.514	181.902.100.036
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	92.868.048.000	168.297.044.312
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	16.508.551.907	13.822.851.907
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.310.298.393)	(217.796.183)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.616.995.318	3.142.138.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.616.995.318	3.142.138.522
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.067.933.197.648	796.366.758.083

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

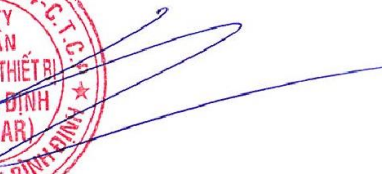
MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		513.788.543.129	486.897.991.560
I. Nợ ngắn hạn	310		482.088.746.871	477.902.488.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	151.671.710.228	317.600.516.158
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.068.433.475	6.747.211.808
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	28.588.905.096	16.469.080.673
4. Phải trả người lao động	314		53.490.474.804	14.722.120.514
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	80.964.800.872	21.333.123.892
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	86.689.211.008	72.027.516.473
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	65.615.211.388	29.002.918.848
II. Nợ dài hạn	330		31.699.796.258	8.995.503.194
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	22	31.699.796.258	8.995.503.194
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.144.654.519	309.468.766.523
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	554.144.654.519	309.468.766.523
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.182.790.000	268.627.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.182.790.000	268.627.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.242.535.173	6.808.627.786
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.719.329.346	34.033.138.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		6.272.621.601	(11.357.713.178)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		100.446.707.745	45.390.851.915
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.067.933.197.648	796.366.758.083


 Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Quát
 Tổng Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	TỪ 01/3/2014	
			Năm 2015	đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.266.145.619.658	1.242.051.786.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		41.077.582.725	100.001.880.757
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	1.225.068.036.933	1.142.049.905.556
4. Giá vốn hàng bán	11	27	773.076.920.489	922.122.045.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		451.991.116.444	219.927.859.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.714.871.417	12.166.930.275
7. Chi phí tài chính	22	30	15.816.122.703	6.288.733.963
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.447.775.250	4.152.363.232
8. Chi phí bán hàng	25	31	222.095.896.085	139.758.344.967
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	102.018.188.723	29.254.707.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		129.775.780.350	56.793.003.166
11. Thu nhập khác	31		144.141.603.638	5.740.005.015
12. Chi phí khác	32		61.872.556	3.445.856.713
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	144.079.731.082	2.294.148.302
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		273.855.511.432	59.087.151.468
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	59.090.007.555	13.696.299.553
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		214.765.503.877	45.390.851.915
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.500	1.515



Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Từ 01/3/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	đến 31/12/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	273.855.511.432	59.087.151.468
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	39.216.981.768	8.711.916.632
Các khoản dự phòng	03	25.788.018.605	365.664.183
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(426.430.006)	(151.565.229)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(47.816.327.004)	(11.669.289.276)
Chi phí lãi vay	06	5.447.775.250	4.152.363.232
Các khoản điều chỉnh khác	07	12.000.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	308.065.530.045	60.496.241.010
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	131.732.486.094	(147.517.303.465)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	31.206.107.569	(94.796.338.978)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(179.942.912.992)	360.554.537.601
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	64.463.687	(4.214.563.819)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.447.775.250)	(1.796.364.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(57.700.405.331)	(3.457.237.847)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	46.761.590.801	121.019.526.843
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.885.550.613)	(10.814.703.711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	261.853.534.010	279.473.793.370
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(41.474.397.227)	(4.755.748.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	773.177.726	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(685.700.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.146.000.000	4.914.000.000
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.499.025.676	974.568.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(134.741.893.825)	1.132.820.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	88.830.702.168	58.771.377.023
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.389.681.863)	(200.434.919.968)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.803.960.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(55.362.939.695)	(141.663.542.945)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	71.748.700.490	138.943.070.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	138.943.070.425	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	210.691.770.915	138.943.070.425

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 vào Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.127 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 730).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết trùng, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 - công ty liên kết vào Công ty theo phương án hoán đổi cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 (gọi tắt là “Bidiphar 1”) và Công ty theo tỷ lệ 1:2,3 (01 cổ phần Bidiphar 1 sẽ được hoán đổi thành 2,3 cổ phần của Công ty) căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 707/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 10 năm 2014. Công ty tin tưởng rằng tỉ lệ sáp nhập nêu trên phản ánh đúng giá trị hợp lý của 2 công ty tại thời điểm sáp nhập. Việc sáp nhập Bidiphar 1 vào Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 115/GCN-UBCK cấp ngày 15 tháng 12 năm 2014. Sau khi sáp nhập, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ đối với tài sản và công nợ của Bidiphar 1 từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty liên kết và các chi nhánh sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

Tại ngày 17 tháng 6 năm 2015, theo Nghị Quyết số 931/2015/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án bán toàn bộ phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các thủ tục thanh lý khoản đầu tư này đã hoàn tất.

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	433/26 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng	76 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
3. Trung tâm Cung ứng Thuốc và Mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 365, Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, Đường số 9, Khu nhà ở Nam Long (Đô thị mới Nam sông Cần Thơ), Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
5. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Cát - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 155, Quang Trung, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định
6. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 212, Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Sơn, Tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Đường Trần Phú, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
8. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tây Sơn - Công ty Cổ phần Dược –	Số 176 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.

Trang thiết bị Y tế Bình Định
(Bidiphar)

9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Hà Nội	Số 1038, Đường Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Nghệ An	LKH 21 – Khu đô thị Vinaconex 9, Đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
11. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Ân - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 17 Hai Bà Trưng, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định.
12. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đắk Lắk	Số 419 Khu Tái định cư, Phường Thành Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
13. Chi nhánh Bidiphar Thị xã An Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 56 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
14. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Mỹ - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 279 Quang Trung, Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.
15. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Trị	Số 06 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
16. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Ngãi	Số 202, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
17. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Khánh Hòa	18 Khu B, Số 2 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
18. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đồng Nai	J37, J38 Đường N4, KDC Liên Kế, KP 1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu báo cáo kỳ trước vì các lý do sau đây:

- Vào ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty sáp nhập với Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 và tiến hành hợp nhất số liệu trên báo cáo tài chính.
- Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 3 năm 2014. Điều đó dẫn đến việc các số liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các ghi

chú liên quan được lập cho giai đoạn 10 tháng từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, có thể không so sánh được với số liệu của năm hiện hành.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty từ khi chuyển thành công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác (không bao gồm tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ), đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu về cho vay ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành

công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228 và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được

hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thu thập được giá trị thị trường, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	869.426.415	861.718.851
Tiền gửi ngân hàng	52.822.344.500	34.081.351.574
Các khoản tương đương tiền	157.000.000.000	104.000.000.000
	210.691.770.915	138.943.070.425

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,3%/năm đến 5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,8%/năm đến 6%/năm.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tín chấp cho một số cá nhân với thời hạn từ một tháng đến mười năm với mức lãi suất cố định là 6%/năm. Nợ gốc các khoản cho vay này sẽ được thu hồi tại thời điểm đáo hạn khế ước vay.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng mua hàng hoá, dịch vụ	1.104.451.972	417.423.144
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	236.635.125	159.717.445
Lãi tiền gửi	2.219.341.667	228.613.889
Phải thu tiền cổ tức	-	607.500.000
Phải thu Phân xưởng cơ điện	-	1.304.546.760
Các khoản phải thu khác	1.308.210.467	1.045.267.089
	4.868.639.231	3.763.068.327

9. PHẢI THU QUÁ HẠN

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, cho vay quá hạn thanh toán như sau:

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Giá gốc	33.305.721.833	30.466.814.456
Dự phòng	<u>18.843.384.395</u>	<u>(147.868.000)</u>
b. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Giá gốc	481.260.806	251.467.473
Dự phòng	<u>-</u>	<u>-</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	87.367.967.020	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	389.085.273	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.546.622.387	-	89.886.517	-
Thành phẩm	62.712.092.607	-	2.015.955.513	-
Hàng hoá	15.567.412.580	-	72.921.688.535	-
Hàng gửi đi bán	-	-	19.379.723.140	-
	<u>174.194.094.594</u>	<u>-</u>	<u>94.796.338.978</u>	<u>-</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
a. Ngắn hạn	4.074.484.027	1.072.425.297
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.894.039.849	1.072.425.297
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	180.444.178	-
b. Dài hạn	3.616.995.318	3.142.138.522
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.587.881.984	1.921.408.707
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	837.771.485
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>29.113.334</u>	<u>382.958.330</u>
	<u>7.691.479.345</u>	<u>4.214.563.819</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.516.175.583	9.756.380.817	(240.205.234)
Thuế nhập khẩu	-	1.859.603.957	1.955.934.110	(96.330.153)
Cộng	-	11.375.779.540	11.712.314.927	(336.535.387)
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	897.359.849	9.537.148.927	8.997.084.791	1.437.423.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.596.881.423	72.353.531.464	57.700.405.331	26.250.007.556
Thuế thu nhập cá nhân	3.974.839.401	5.660.844.780	8.734.210.626	901.473.555
Tiền thuê đất	-	1.101.130.491	1.101.130.491	-
Các loại thuế khác	-	111.844.839	111.844.839	-
	16.469.080.673	88.764.500.501	76.644.676.078	28.588.905.096

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	78.728.688.224	10.357.453.732	12.018.847.726	6.082.782.097	107.187.771.779
Tăng từ sáp nhập	34.661.650.810	130.692.458.837	1.684.321.601	1.047.652.958	168.086.084.206
Mua trong năm	1.013.756.363	26.401.811.630	2.912.821.000	585.676.052	30.914.065.045
Tăng khác	73.300.000	-	-	-	73.300.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.390.677.208)	(200.580.100)	-	-	(1.591.257.308)
Giảm khác	(40.513.636)	(154.740.000)	-	-	(195.253.636)
Tại ngày 31/12/2015	<u>113.046.204.553</u>	<u>167.096.404.099</u>	<u>16.615.990.327</u>	<u>7.716.111.107</u>	<u>304.474.710.086</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	22.332.437.621	7.980.471.854	7.153.486.029	1.085.727.295	38.552.122.799
Tăng từ sáp nhập	11.852.727.254	88.242.162.365	1.608.723.896	783.778.670	102.487.392.185
Khấu hao trong năm	7.280.350.805	28.467.213.822	1.803.621.184	1.255.287.571	38.806.473.382
Thanh lý, nhượng bán	(764.779.586)	(200.580.100)	-	-	(965.359.686)
Giảm khác	-	(152.055)	-	-	(152.055)
Tại ngày 31/12/2015	<u>40.700.736.094</u>	<u>124.489.115.886</u>	<u>10.565.831.109</u>	<u>3.124.793.536</u>	<u>178.880.476.625</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	<u>72.345.468.459</u>	<u>42.607.288.213</u>	<u>6.050.159.218</u>	<u>4.591.317.571</u>	<u>125.594.233.461</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>56.396.250.603</u>	<u>2.376.981.878</u>	<u>4.865.361.697</u>	<u>4.997.054.802</u>	<u>68.635.648.980</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 99.230.655.252 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.222.143.734 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	39.767.018.086	709.403.250	40.476.421.336
Tăng từ sáp nhập	3.601.109.564	-	3.601.109.564
Tại ngày 31/12/2015	<u>43.368.127.650</u>	<u>709.403.250</u>	<u>44.077.530.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	333.115.569	344.460.480	677.576.049
Tăng từ sáp nhập	315.977.117	-	315.977.117
Khấu hao trong năm	228.189.055	182.471.386	410.660.441
Tại ngày 31/12/2015	<u>877.281.741</u>	<u>526.931.866</u>	<u>1.404.213.607</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>42.490.845.909</u></u>	<u><u>182.471.384</u></u>	<u><u>42.673.317.293</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>39.433.902.517</u></u>	<u><u>364.942.770</u></u>	<u><u>39.798.845.287</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 161.989.091 đồng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Phần mềm SAP ERP	11.265.100.000	6.739.282.550
Tiền mua đất Chi nhánh Quảng Trị	1.709.070.000	1.709.070.000
Chi phí cải tạo nhà làm việc hai tầng	-	1.013.756.363
Hệ thống xử lý chất thải công nghiệp	711.487.965	-
Dự án trồng cây dược liệu	917.435.684	499.256.707
Chi phí cải tạo tổng kho Bidiphar (kho số 2)	4.727.689.091	-
Khác	2.085.210.845	60.854.182
	<u><u>21.415.993.585</u></u>	<u><u>10.022.219.802</u></u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu vào công ty liên doanh, liên kết ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số lượng <u>Cổ phiếu</u>	31/12/2015		31/12/2014	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	7.145.389	92.868.048.000	(7.310.298.393)	92.868.048.000	(217.796.183)
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	-	-	-	2.146.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bình Định	-	-	-	73.282.996.312	-
		92.868.048.000	(7.310.298.393)	168.297.044.312	(217.796.183)

Tại ngày 17 tháng 6 năm 2015, theo Nghị Quyết số 931/2015/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án bán toàn bộ phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các thủ tục thanh lý khoản đầu tư này đã hoàn tất.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số lượng <u>Cổ phiếu</u>	31/12/2015		31/12/2014	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	405.000	12.995.016.936	-	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	205.710	1.513.534.971	-	827.834.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	200.000	2.000.000.000	-	-	-
		16.508.551.907		13.822.851.907	

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	69.454.454.378	120.652.877.957
Phải trả nhà cung cấp khác	82.217.255.850	196.947.638.201
	151.671.710.228	317.600.516.158

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	62.936.158.500	-
Kinh phí công đoàn	3.063.588.780	2.543.534.936
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	502.419.802	304.768.992
Nhận ký quỹ, ký cược	95.000.000	-
Phải trả liên quan đến các nguồn dự án	9.334.336.494	9.267.785.600
Phải trả liên quan đến cổ phần hóa	-	8.882.250.037
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.033.297.296	334.784.327
	80.964.800.872	21.333.123.892

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2015		Trong năm		Tại ngày 31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	5.000.000.000	5.000.000.000	47.531.519.425	39.080.127.962	13.451.391.463	13.451.391.463
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	67.027.516.473	67.027.516.473	60.620.182.918	54.409.879.846	73.237.819.545	73.237.819.545
	72.027.516.473	72.027.516.473	108.151.702.343	93.490.007.808	86.689.211.008	86.689.211.008

Vay ngắn hạn từ ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (“BIDV Bình Định”) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức với mục đích bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ với tổng hạn mức tối đa là 150.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày 01 tháng 5 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2016. Thời hạn vay và lãi suất theo quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm. Công ty trả lãi cho cán bộ công nhân viên theo mức lãi suất hiện hành của BIDV Bình Định.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được hình thành từ việc trích lập lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho ban quản lý điều hành Công ty.

	Quỹ khen thưởng <u>VND</u>	Quỹ phúc lợi <u>VND</u>	Quỹ thưởng Ban điều hành <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2015	17.949.539.771	11.048.855.989	4.523.088	29.002.918.848
Tăng từ sáp nhập	18.111.543.430	2.111.043.658	-	20.222.587.088
Tăng khác	43.130.000	-	-	43.130.000
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	14.289.271.592	7.144.635.796	4.286.781.477	25.720.688.865
Sử dụng quỹ	(6.810.896.000)	(2.563.217.413)	-	(9.374.113.413)
Số dư tại 31/12/2015	<u>43.582.588.793</u>	<u>17.741.318.030</u>	<u>4.291.304.565</u>	<u>65.615.211.388</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Thông tư 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 02 năm 2011, các doanh nghiệp được phép trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTD TTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ <u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2015	8.995.503.194
Tăng từ sáp nhập	14.258.860.264
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	12.000.000.000
Sử dụng quỹ	(3.554.567.200)
Số dư tại 31/12/2015	<u>31.699.796.258</u>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	268.627.000.000	-	-	268.627.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	45.390.851.915	45.390.851.915
Trích lập các quỹ	-	6.808.627.786	(6.808.627.786)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.549.085.392)	(4.549.085.392)
Số dư tại 31/12/2014	268.627.000.000	6.808.627.786	34.033.138.737	309.468.766.523
Tăng trong năm (*)	150.555.790.000	-	-	150.555.790.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	214.765.503.877	214.765.503.877
Chia cổ tức	-	-	(89.740.118.500)	(89.740.118.500)
Trích lập các quỹ	-	21.433.907.387	(21.433.907.387)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(25.720.688.865)	(25.720.688.865)
Trích thù lao HĐQT	-	-	(5.184.598.516)	(5.184.598.516)
Số dư tại 31/12/2015	419.182.790.000	28.242.535.173	106.719.329.346	554.144.654.519

(*) Tăng trong năm thể hiện giá trị cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu của Bidiphar 1 để hoán đổi với cổ phần của Công ty cho mục đích sáp nhập Bidiphar 1 vào Công ty. Việc phát hành cổ phần để hoán đổi đã được Đại hội đồng cổ đông và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận như trình bày tại Thuyết minh số 01.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 728/NQ-ĐHĐCĐ2015 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với mức cổ tức là 10% vốn điều lệ của Công ty, tương ứng số tiền là 26.862.700.000 đồng và trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 897.817.039 đồng.

Căn cứ theo Nghị quyết 728/NQ-ĐHĐCĐ2015 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết 1651/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện việc trích cổ tức và các quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2015 sau khi trừ các khoản chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 21.433.907.387 đồng;

- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 21.433.907.387 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 4.286.781.477 đồng;
- Trích thưởng Ban điều hành: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 4.286.781.477 đồng;
- Trích cổ tức: 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 62.877.418.500 đồng

Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức nêu trên sẽ được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Cổ phần:

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	41.918.279	26.862.700
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	41.918.208	26.862.700
+ <i>Cổ phiếu quỹ</i>	71	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	41.918.208	26.862.700
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	41.918.208	26.862.700

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 419.182.790.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>
Cổ đông Nhà nước - Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	17.460.755	41,65	174.607.550.000	17.460.755	65,00	174.607.550.000
Các cổ đông khác	24.457.524	58,35	244.575.240.000	9.401.945	35,00	94.019.450.000
	41.918.279	100	419.182.790.000	26.862.700	100	268.627.000.000

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh là ngành dược phẩm, vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	651,92	135.961,00
- Đồng Euro ("EUR")	100,40	101,00

26. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.266.145.619.658	1.242.051.786.313
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán dược phẩm	1.155.031.902.082	1.045.817.822.131
Doanh thu bán vật tư y tế	98.455.473.201	65.337.466.084
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	11.014.633.899	128.548.120.169
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.643.610.476	2.348.377.929
Các khoản giảm trừ doanh thu	41.077.582.725	100.001.880.757
Chiết khấu thương mại	21.385.752.870	-
Giảm giá hàng bán	2.001.118.081	94.955.243.679
Hàng bán bị trả lại	17.690.711.774	5.046.637.078
	<u>1.225.068.036.933</u>	<u>1.142.049.905.556</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán dược phẩm	674.423.702.212	736.797.012.017
Giá vốn bán vật tư y tế	88.907.277.527	58.736.240.372
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	9.277.834.645	124.780.969.024
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	468.106.105	1.807.824.461
	<u>773.076.920.489</u>	<u>922.122.045.874</u>

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.231.094.114	6.256.298.056
Chi phí nhân công	31.295.147.871	65.245.562.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.985.131.505	6.950.887.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.274.296.313	72.864.002.612
Chi phí khác bằng tiền	5.360.593.975	25.758.164.411
	<u>405.146.263.778</u>	<u>177.074.915.053</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.617.685.454	1.690.267.691
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.264.568.000	9.866.488.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	1.075.469.901	458.608.555
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	426.430.006	151.565.229
Khác	330.718.056	-
	<u>17.714.871.417</u>	<u>12.166.930.275</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.447.775.250	4.152.363.232
Chiết khấu thanh toán	2.048.361.005	1.312.619.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	1.227.319.197	587.825.423
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	7.092.502.210	217.796.183
Chi phí hoạt động tài chính khác	165.041	18.129.664
	<u>15.816.122.703</u>	<u>6.288.733.963</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	82.618.649.636	55.289.633.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.477.322.871	66.426.110.845
Chi phí bán hàng khác	95.999.923.578	18.042.600.488
	222.095.896.085	139.758.344.967

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	36.438.915.119	8.768.589.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.424.802.287	4.557.514.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.463.231.719	6.437.891.767
Dự phòng phải thu khó đòi	18.695.516.395	147.868.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	27.995.723.203	9.342.844.698
	102.018.188.723	29.254.707.861

33. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ sáp nhập (*)	143.786.791.446	-
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	147.280.104	886.414.613
Thu nhập từ bán lô đất ở Chi nhánh Nghệ An	-	4.774.320.000
Khác	207.532.088	79.270.402
Thu nhập khác	144.141.603.638	5.740.005.015
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	773.881.828
Chi phí lô đất ở Chi nhánh Nghệ An	-	2.669.850.000
Chi phí khác	61.872.556	2.124.885
Chi phí khác	61.872.556	3.445.856.713
Lợi nhuận khác	144.079.731.082	2.294.148.302

(*) Là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị hợp lý của tài sản thuần của Bidiphar 1 tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là thời điểm Công ty nhận sáp nhập Bidiphar 1 như đã nêu tại Thuyết minh số 01.

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	273.855.511.432	59.087.151.468
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.264.568.000	10.018.054.029
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	13.186.809.620
Thu nhập chịu thuế	268.590.943.432	62.255.907.059
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	59.090.007.555	13.696.299.553

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị mang sang của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Từ 01/03/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	214.765.503.877	45.390.851.915
Trừ:		
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	426.430.006	151.565.229
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.720.688.865	4.539.085.191
Lợi nhuận trong năm/kỳ phân bổ cho các cổ đông	188.618.385.006	40.700.201.495
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (Cổ phiếu)	41.918.279	26.862.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/Cổ phiếu)	<u>4.500</u>	<u>1.515</u>

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính theo mức 12% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2014 về phương án sản xuất kinh doanh năm 2014 – 2016.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.691.770.915	138.943.070.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ)	240.314.959.737	255.729.650.541
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.001.393.300	1.393.300
Phải thu về cho vay ngắn hạn	727.446.288	758.302.955
	561.735.570.240	395.432.417.221
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	86.689.211.008	72.027.516.473
Phải trả người bán và phải trả khác	232.636.511.100	338.933.640.050
	319.325.722.108	410.961.156.523

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập bảng cân đối kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	20.622.566.224	22.538.184.356	5.557.333.270	377.290.877.777
Đồng Euro (EUR)	2.451.366	2.601.458	548.052.800	18.433.565.994
Yên Nhật Bản (JPY)	-	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt

Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	451.956.989	10.642.580.803
Đồng Euro (EUR)	16.368.043	552.928.936

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm 2015 sẽ giảm/tăng 1.733.784.220 đồng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay của Công ty chủ yếu là cho cán bộ công nhân viên vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các cá nhân này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

		Dưới 1 năm <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.691.770.915	
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ)	240.314.959.737	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.001.393.300	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	727.446.288	
	561.735.570.240	
Các khoản vay	86.689.211.008	
Phải trả người bán và phải trả khác	232.636.511.100	
	319.325.722.108	
Chênh lệch thanh khoản thuần	242.409.848.132	
Tại ngày 31/12/2014		
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.943.070.425	
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ)	255.729.650.541	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.393.300	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	758.302.955	
	395.432.417.221	
Các khoản vay	72.027.516.473	
Phải trả người bán và phải trả khác	338.933.640.050	
	410.961.156.523	
Chênh lệch thanh khoản thuần	(15.528.739.302)	

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm 2015	Từ 01/3/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.740.762.964	2.125.396.535

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

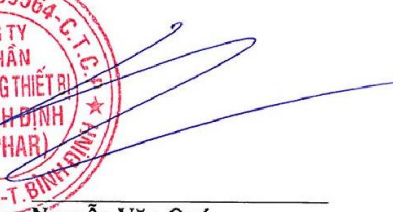
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp cho thống nhất cách trình bày với báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm hiện hành.

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty sáp nhập Bidiphar 1 bằng cách phát hành 15.055.579 cổ phần với giá trị là 150.555.790.000 đồng để hoán đổi cổ phần với Bidiphar 1 nên Công ty tiến hành cộng tài sản thuần của Bidiphar 1 vào sổ sách của Công ty tại ngày sáp nhập. Theo đó, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, hàng tồn kho, phải trả và chi phí trả trước, tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn khác, các khoản vay và vốn góp của chủ sở hữu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.219.341.667 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 228.613.889 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 62.936.158.500 đồng là cổ tức mà các cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.


Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu
Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2016